

Bản án số: 64/2024/HS-ST.  
Ngày 21-11-2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Phụng

*Thẩm phán:* Nguyễn Thiện Tâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Kiều Thị Kim Dung

2. Bà Nguyễn Thị Thủy

3. Bà Nguyễn Thị Bạch Huệ

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Dương Phát - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*

Bà Hà Minh Trang và ông Nguyễn Sỹ Diệu - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2024 đối với:

*- Bị cáo:* **Nguyễn Thị Bé L**, sinh ngày: 11/11/1995, tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: Số A, đường F, Tổ I, ấp C, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê (giữ trẻ); trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1955; có chồng tên Lê Đức C, sinh năm 1991; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh L từ ngày 10/6/2024 đến nay, có mặt.

*Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Thị Bé L:* Ông Tạ Văn H là Luật sư Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L, có mặt.

*- Bị hại:* Bà Nguyễn Thị Kim S, sinh năm 1969. Nơi thường trú: Số B L, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Lê Đức C, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Số A, đường F, Tổ I, ấp C, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. Ông Võ Văn Q, sinh năm 1985. Nơi thường trú: Ấp P, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Nơi ở hiện tại: KDC T, ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Lương B, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Số A, Đường số F, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

- *Người chứng kiến:*

1. Ông Đặng Quốc T1, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Trần Văn C1, sinh năm 1971; Nguyễn Văn H1, sinh năm 1986; Trần Thị L1, sinh năm 1976, các người làm chứng vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua các mối quan hệ xã hội thì Nguyễn Thị Bé L quen biết anh Võ Văn Q, do cần tiền để trả nợ cho người khác nên Nguyễn Thị Bé L gặp và hỏi anh Q “Làm sao mới mượn được số tiền lớn”. Anh Q nói với L “muốn mượn được số tiền lớn phải có tài sản thế chấp”; nghĩa là L phải có đất hoặc nhà. Sau khi nghe Q nói vậy và do cần tiền trả nợ nên L nảy sinh ý định sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở (giấy chứng nhận) giả với mục đích thế chấp cho người khác để chiếm đoạt tiền. Khoảng tháng 4/2023, thông qua mạng xã hội Facebook, L được một người nam thanh niên có Nick name “TT T2” (không rõ thông tin, địa chỉ) giới thiệu là có nhận làm giấy tờ giả và L được người nam thanh niên này đồng ý làm giấy chứng nhận giả với giá 16.000.000 đồng, L đồng ý đặt mua và cung cấp thông tin cho người nam thanh niên nói trên gồm: hình ảnh phôi tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB423978, do anh Nguyễn Lương B, sinh năm 1981, địa chỉ: Đường số F, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên và hình ảnh căn cước công dân của L (do ngày 14/6/2022, L thuê nhà của anh B để mở Nhà giữ trẻ Hiếu H2 nên có được bản phôi tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD423978 do ông Võ Thành L2 đứng tên, chuyển nhượng cho anh B được chỉnh lý biến động tại trang 4 ngày 06/4/2022). Khoảng 01 tuần sau khi thỏa thuận đặt mua giấy chứng nhận giả thì có một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) đến giao cho L 01 giấy chứng nhận giả, có đặc điểm: Giấy chứng nhận QSDĐ số DB423978, người đứng tên sử dụng đất là: Nguyễn Thị Bé L, sinh năm 1995, căn cước công dân số 087195011834, Hộ khẩu thường trú: ấp C, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; thửa đất số: 3148, tờ bản đồ số 8, diện

tích 200m<sup>2</sup>, địa chỉ: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, L trực tiếp trả tiền mặt 16.000.000 đồng cho người đàn ông này. Sau khi có giấy chứng nhận giả, L nói với Q là: L có giấy chứng nhận, muốn thế chấp để vay tiền thì Quân giới thiệu cho L gặp bà Nguyễn Thị Kim S để thỏa thuận việc thế chấp Giấy chứng nhận và vay tiền. Ngày 25/5/2023, L cùng với Q đi đến nhà của bà Trần Thị L1 để gặp bà S. Tại đây, bà S có hỏi L “Đất của ai”, L trả lời “Đất này là của em, em đã mua lại từ anh B”. Lúc này bà S có kêu L đưa căn cước công dân của L cho bà S kiểm tra thì bà S đồng ý cho L vay tiền. Bà S yêu cầu L, khi làm thủ tục công chứng phải có chồng của L tên là Lê Đức C ký tên vào Hợp đồng công chứng. L không đồng ý vì L đang che giấu C về việc L thế chấp giấy chứng nhận giả để vay tiền của bà S nên bà S không đồng ý cho L vay tiền.

Đến sáng ngày 27/5/2023, L có nói với C “anh đi ký giấy tờ dùm em” nhưng L không có nói với C là ký giấy tờ gì và ký nội dung gì. Do tin tưởng L nên C đồng ý đi cùng với L để ký tên. Sau khi C đồng ý L gọi điện thoại cho bà S nói “C đã đồng ý ký tên cùng với L trong Hợp đồng công chứng”. Lúc này, bà S đồng ý cho L vay tiền và hẹn L đến nhà của bà L1 để thỏa thuận việc thế chấp Giấy chứng nhận. Cùng ngày 27/5/2023, tại nhà của bà L1, L đưa cho bà S xem lại giấy chứng nhận giả nêu trên, bà S xem và kiểm tra đúng thông tin trên căn cước công dân của L nên bà S đồng ý cho L vay số tiền là 400.000.000 đồng vay với lãi suất là 03%/tháng. Bà S đặt cọc trước cho L số tiền 50.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản và hẹn đến ngày 29/5/2023, sẽ ra công chứng Hợp đồng thế chấp, giao đủ số tiền còn lại (vì ngày 27/5/2023 là ngày thứ 7 nên Văn phòng công chứng không làm việc). Bà S có làm Hợp đồng đặt cọc chuyển quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất, thửa đất số 3148, tờ bản đồ số 8, diện tích 200m<sup>2</sup>, địa chỉ: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An: Bà S ký tên và lăn tay ở phần “Bên đặt cọc (A), còn ở phần “Bên nhận cọc (B) thì L ký tên, lăn tay và C ký tên; Võ Văn Q ký tên là người chứng kiến. Đến ngày 28/5/2023, L liên hệ với bà S và nói “Chị cho em vay thêm 100.000.000 đồng nữa, tổng cộng số tiền em cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị là 500.000.000 đồng để trả tiền mua xe đưa rước học sinh”, bà S đồng ý cho L vay thêm 100.000.000 đồng, tổng số tiền là 500.000.000 đồng.

Đến khoảng 14 giờ ngày 29/5/2023, L kêu C cùng đi với L, bà S và Q đến Văn phòng công chứng Trần Văn C1, địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An để làm thủ tục công chứng Hợp đồng thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại đây, L trực tiếp viết Phiếu yêu cầu công chứng Hợp đồng thế chấp tài sản với số tiền 500.000.000 đồng và nộp hồ sơ làm thủ tục công chứng việc thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên. Nhân viên Văn phòng công chứng tiếp nhận Phiếu yêu cầu công chứng tiến hành kiểm tra Giấy chứng nhận làm thủ tục công chứng thì Công chứng viên phát hiện L không phải là người đứng tên đối với thửa đất trên và nghi ngờ Giấy chứng nhận này là giả nên trình báo Cơ quan Công an đến giải quyết. Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Bé L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Tại Kết luận giám định số: 848/KL-KTHS, ngày 05/9/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh L kết luận “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà

ở và tài sản khác gắn liền với đất”, số DB423978 (Đóng dấu TLCGD, ký hiệu A) là giả.

Tại Kết luận giám định số: 952/KL-KTHS ngày 06/10/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh L kết luận: Chữ ký, chữ viết Nguyễn Thị Bé L trong mẫu cần giám định (Hợp đồng đặt cọc chuyển quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng, văn bản) và mẫu so sánh chữ ký, chữ viết Nguyễn Thị Bé L là do cùng một người ký và viết ra.

Tại Kết luận giám định số: 7354/KL-KTHS ngày 30/11/2023 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh Bộ C3 kết luận: Dấu vân tay của Nguyễn Thị Bé L trong mẫu cần giám định (Hợp đồng đặt cọc chuyển quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) và mẫu so sánh là do cùng một người.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng;

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả có đặc điểm: số DB423978, người sử dụng đất: Nguyễn Thị Bé L, sinh năm 1995, địa chỉ thường trú: Ấp C, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; thửa đất số: 3148, tờ bản đồ số 8, diện tích 200m<sup>2</sup>, địa chỉ đất: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (Bản chính);

- 01 Hợp đồng đặt cọc chuyển quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất ngày 27/5/2023 (Bản chính);

- 01 Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng, văn bản ngày 29/5/2023, người nộp phiếu: Nguyễn Thị Bé L (Bản chính).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại A1K, màu đen, gắn sim số 0365087591. Hiện Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An đang giữ và quản lý.

Phản dân sự: Sau khi xảy ra sự việc, Nguyễn Thị Bé L đã khắc phục, trả lại cho Nguyễn Thị Kim S số tiền 50.000.000 đồng. Bà S không yêu cầu L bồi thường gì thêm.

Tại Cáo trạng số 77/CT-VKSLA-P2 ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An truy tố Nguyễn Thị Bé L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Bé L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã nêu và trình bày bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An truy tố tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là đúng, không oan. Bị cáo không có khiếu nại về Bản kết luận giám định, đồng thời không khiếu nại gì về Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Trong quá trình điều tra, bị cáo tự nguyện, không bị nhục hình, đe dọa hoặc bị cưỡng ép trong khi khai báo.

Bị hại Nguyễn Thị Kim S trình bày: Về trách nhiệm dân sự thì bị cáo đã bồi thường xong, nên không yêu cầu gì thêm. Về trách nhiệm hình sự thì đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội danh và điều luật, đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Bé L phạm các tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức",

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Điều 15; Điều 38; Điều 50; Điều 57; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, đề nghị tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị Bé L từ 07 năm đến 09 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự, đề nghị tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị Bé L từ 03 năm đến 04 tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức",

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, đề nghị tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Thị Bé L chấp hành hình phạt chung của hai tội.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự đề nghị:

- Tịch thu lưu hồ theo hồ sơ vụ án: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả có đặc điểm: số DB423978, người sử dụng đất: Nguyễn Thị Bé L, sinh năm 1995, địa chỉ thường trú: ấp C, xã P, huyện C, Tp .; thửa đất số: 3148, tờ bản đồ số 8, diện tích 200m<sup>2</sup>, địa chỉ đất: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (bản chính); 01 Hợp đồng đặt cọc chuyển quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất ngày 27/5/2023 (bản chính); 01 Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng, văn bản ngày 29/5/2023, người nộp phiếu: Nguyễn Thị Bé L (bản chính), do tài liệu có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại A1K, màu đen, gắn 01 sim số 0365087591, tình trạng máy đã qua sử dụng, không kiểm tra số sim và tình trạng máy bên trong, do tài sản có liên quan hành vi phạm tội của bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại không yêu cầu gì thêm nên đề nghị không đề cập xem xét.

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Bé L trình bày: Thống nhất với tội danh và điều luật như Cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Trong vụ án này nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo là do dịch C2 nên bị cáo kinh doanh không hiệu quả dẫn đến nợ nần. Tuy nhiên, nội dung Cáo trạng chưa đề

cập đến nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thống nhất với các tình tiết Kiểm sát viên đề nghị áp dụng cho bị cáo. Ngoài ra, đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn và bị cáo có hoàn cảnh điều kiện khó khăn do dịch C2 và bị cáo có đơn bãi nại và giảm nhẹ hình phạt của người bị hại. Về tình tiết tăng nặng đề nghị xem xét không áp dụng tình tiết phạm tội 2 lần trở lên đối với bị cáo. Từ những phân tích trên, đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 1 Điều 341, các điểm b, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51 ; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đối với 2 tội, để bị cáo sớm trở về với gia đình.

Kiểm sát viên đối đáp: Về nội dung cáo trạng đã thể hiện rõ là do bị cáo cần tiền để trả nợ đây là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo. Còn nguyên nhân người bào chữa cho rằng do dịch C2 là không phù hợp vì dịch C2 đã qua gần 5 năm. Trong vụ án này bị cáo phạm tội với số tiền chiếm đoạt là 500.000.000 đồng, bị cáo đã nhận 50.000.000 đồng đây là số tiền tương đối lớn nên không được xem là tình tiết giảm nhẹ gây thiệt hại không lớn theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự người bào chữa đề nghị không áp dụng thì Hội đồng xét xử xem xét. Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm luận tội đối với bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, các quyết định tố tụng và hành vi tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt các người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người chứng kiến, người làm chứng. Xét thấy, đối với những người vắng mặt này đã có lời khai trong quá trình điều tra, khi cần thiết có thể công bố lời khai của họ tại phiên tòa nên việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra trước Tòa, thể hiện: Khoảng tháng 4/2023, do cần tiền để trả nợ cho người khác nên Nguyễn Thị Bé L đặt mua Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với mục đích thế chấp cho người khác để chiếm đoạt tiền. Sau khi có được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, L đem thế chấp cho bà Nguyễn Thị Kim S để vay số tiền 400.000.000 đồng, bà S làm hợp đồng đặt cọc và chuyển khoản cho L 50.000.000 đồng. Sau đó, L tiếp tục liên hệ với bà S vay thêm 100.000.000 đồng, tổng số tiền vay là 500.000.000 đồng, hẹn khi ra công

chứng Hợp đồng thế chấp tài sản sẽ giao số tiền còn lại. Đến ngày 29/5/2023, tại Văn phòng C4, L trực tiếp viết Phiếu yêu cầu công chứng Hợp đồng thế chấp tài sản với số tiền 500.000.000 đồng và nộp hồ sơ làm thủ tục công chứng thì Văn phòng công chứng phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị Bé L nêu trên là giả nên trình báo cơ quan chức năng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Bé L là sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nhằm tạo lòng tin cho bà Nguyễn Thị Kim S, để bà S đưa tài sản là 500.000.000 đồng cho bị cáo vay. Như vậy, hành vi này của bị cáo Nguyễn Thị Bé L có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An truy tố bị cáo về các tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà pháp luật nghiêm cấm. Đồng thời, hành vi của bị cáo trực tiếp xâm phạm đến sự hoạt động bình thường và uy tín của cơ quan Nhà nước trong lãnh vực quản lý đất đai tại địa phương, nên đối với bị cáo cần phải xử lý nghiêm, có mức án phù hợp và cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù có thời hạn nhất định mới có tác dụng trừng phạt, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, cũng cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để có mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra.

[5] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với 2 tội. Mặc dù, bị cáo có 2 lần giao dịch với bị hại, lần 1 là 400.000.000 đồng, lần 2 là 100.000.000 đồng, bị cáo có nhận cọc trước 50.000.000 đồng, còn lại 450.000.000 đồng khi nào ra công chứng hợp đồng mới nhận. Như vậy, mục đích bị cáo chiếm đoạt số tiền 500.000.000 đồng sau khi hợp đồng được công chứng, nên Kiểm sát viên đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng thuộc trường hợp “Phạm tội 2 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là không phù hợp.

[6] Đối với hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thì bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có bồi thường khắc phục thiệt hại cho bị hại; người bị hại có đơn xin bãi nại đối với bị cáo, là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với hành vi “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” thì bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, đang nuôi con còn nhỏ là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7] Như nhận định tại đoạn [5], mục đích bị cáo thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nhằm chiếm đoạt số tiền 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo chưa nhận được số tiền 450.000.000 đồng là ngoài ý muốn của bị

cáo, nên khi lượng hình cần áp dụng quy định về phạm tội chưa đạt theo Điều 57 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã khắc phục hoàn trả số tiền 50.000.000 đồng chiếm đoạt cho bị hại. Tại phiên tòa, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với các vật chứng: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả có đặc điểm: số DB423978, người sử dụng đất: Nguyễn Thị Bé L, sinh năm 1995, địa chỉ thường trú: ấp C, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; thửa đất số: 3148, tờ bản đồ số 8, diện tích 200m<sup>2</sup>, địa chỉ đất: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (Bản chính); 01 Hợp đồng đặt cọc chuyển quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất ngày 27/5/2023 (Bản chính); 01 Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng, văn bản ngày 29/5/2023, người nộp phiếu: Nguyễn Thị Bé L (Bản chính), là các vật chứng có liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu lưu hồ sơ vụ án. Đối với vật chứng là 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại A1K, màu đen, gắn sim số 0365087591, có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

[10] Đối với ông Lê Đức C là chồng Nguyễn Thị Bé L không biết L thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để chiếm đoạt tiền vay của Nguyễn Thị Kim S và ông Võ Văn Q là người giới thiệu Nguyễn Thị Bé L đến gặp Nguyễn Thị Kim S để L thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và vay tiền của S, Q không biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của L là giả. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L không xem xét xử lý đối với C và Q là có căn cứ.

[11] Xem xét quan điểm xử lý vụ án và mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ nên chấp nhận.

[12] Xét một phần đề nghị của của người bào chữa cho bị cáo là có căn cứ; không chấp nhận của người bào chữa đề nghị áp dụng tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo do không có căn cứ.

[13] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Bé L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 15; Điều 38; Điều 50; Điều 57; các điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm

2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bé L 07 (B1) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bé L 03 (Ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Thị Bé L chấp hành hình phạt chung cho cả 2 tội là 10 (M1) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 10/6/2024.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Thị Bé L 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày 21/11/2024, để bảo đảm việc thi hành án.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại A1K, màu đen, gắn 01 sim số 0365087591, tình trạng máy đã qua sử dụng, không kiểm tra số sim và tình trạng máy bên trong.

Vật chứng do Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An quản lý theo Quyết định chuyển Vật chứng số 403/QĐ-VKSLAP2 ngày 07 tháng 10 năm 2024 và Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08 ngày 10 năm 2024.

- Tịch thu lưu hồ theo hồ sơ vụ án: 01 (Một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả có đặc điểm: số DB423978, người sử dụng đất: Nguyễn Thị Bé L, sinh năm 1995, địa chỉ thường trú: ấp C, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, thửa đất số: 3148, tờ bản đồ số 8, diện tích 200m<sup>2</sup>, địa chỉ đất: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (Bản chính); 01 (Một) Hợp đồng đặt cọc chuyển quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất ngày 27/5/2023 (Bản chính); 01 (Một) Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng, văn bản ngày 29/5/2023, người nộp phiếu: Nguyễn Thị Bé L (Bản chính).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Bé L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

4. Bị cáo, bị hại, người có quyền nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TANDCC tại TPHCM (01);
- VKSNDCC tại TPHCM (01);
- VKSND tỉnh Long An (01);
- Cục THADS tỉnh Long An (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01);
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Huỳnh Thị Phụng**